TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2026/DS-ST
Ngày: 09-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Tăng Thị Bạch Vân

Ông Trần Hoàng Bảy

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Bùi Thị Hồng Nhặn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Phượng L, sinh ngày 23/7/1982. Địa chỉ: Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú T, sinh ngày 20/10/1989. Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1962. Địa chỉ: Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Y, sinh ngày 06/4/1963. Địa chỉ: Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Phượng L trình bày:*

Vào ngày 01/3/2022 ông Nguyễn Văn P cùng vợ là bà Lê Thị Y đến nhà của bà Lê Thị Phượng L để vay số tiền 10.000.000 đồng với thỏa thuận mỗi tháng đóng 400.000 đồng. Tuy nhiên chỉ thực hiện đến tháng 02 năm 2025 thì không đóng nữa.

Nay bà Lê Thị Phượng L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y trả số tiền đã vay là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Việc vay nợ số tiền 10.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Phượng L trong vụ án đến thời điểm này ông Nguyễn Văn P hoàn toàn thống nhất trả cho bà Lê Thị Phượng L. Tuy nhiên đây là nợ riêng ông Nguyễn Văn P chứ không có liên quan đến vợ ông Nguyễn Văn P là Lê Thị Y. Bên cạnh đó, quá trình vay nợ, ông Nguyễn Văn P đã trả hằng tháng số tiền lãi chứ không phải không có lãi tuy nhiên ông Nguyễn Văn P cũng thống nhất không yêu cầu trừ cấn số tiền lãi đã thanh toán cho bà Lê Thị Phượng L. Để làm tin, giữa ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Phượng L có thỏa thuận giao kèo là ông Nguyễn Văn P giao cho bà Lê Thị Phượng L bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên ông Nguyễn Văn P đối với phần đất tại thửa số 14, tờ bản đồ số 71 diện tích 2.600m2 loại đất CLN tọa lạc ấp P, xã A (nay là xã N), thành phố Cần Thơ để làm tin. Đồng thời hai bên thỏa thuận khi nào ông Nguyễn Văn P trả dứt nợ thì bà Lê Thị Phượng L trả cho ông Nguyễn Văn P bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Nguyễn Văn P.

Nay ông Nguyễn Văn P làm đơn khởi kiện yêu cầu phản tố trong vụ án với nội dung sau:

Ông Nguyễn Văn P đồng ý trả cho bà Lê Thị Phượng L số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng và không phải trả lãi đồng thời yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Phượng L trả cho ông Nguyễn Văn P bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên ông Nguyễn Văn P.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Y nhưng bà Lê Thị Y không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

* Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Phượng L là bà Nguyễn Thị Tú T xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn P cùng bà Lê Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Phượng L số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi và bà Lê Thị Phượng L thống nhất trả bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P cho ông Nguyễn Văn P.

- Ông Nguyễn Văn P xác định có nợ bà Lê Thị Phương L1 là đúng ông đồng ý trả số nợ trên đồng thời ông cũng xác định đây là nợ riêng của ông. Bên cạnh đó ông vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Lê Thị Phượng L phải trả lại cho ông bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P.

- Bà Lê Thị Y vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà Lê Thị Phượng L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Phượng L số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn P đưa ra yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P khi trả dứt nợ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại Ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Phượng L cho rằng bà Lê Thị Phượng L có cho ông Nguyễn Văn P vay số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 01/3/2022. Ông Nguyễn Văn P cũng hoàn toàn thống nhất việc này. Các bên vay nợ của nhau được thể hiện qua giấy cố đất có nội dung:

Cộng Hòa xã Hội chủ - nghĩa Việt Nam

Giấy Cố Đất

Tôi: Nguyễn Văn P có cố đất cho cô L với số tiền 10.000.000 mười triệu đồng không có thời hạn chừng nào có tiền chuột

Người làm chứng

Ký tên

ChồngVợ

Nguyễn Văn PhongLê Thị Yl

Các bên cũng xác định nội dung trên của giấy cố đất là việc ông Nguyễn Văn P đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P giao cho bà L để vay số tiền 10.000.000 đồng chứ không có việc giao đất để người nhận cố canh tác cho đến khi có hết hạn cố hoặc bên cố đất trả tiền và nhận lại đất. Do đó căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 01/3/2022 giữa bà Lê Thị Phượng L với vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y có xác lập giao dịch vay với số tiền 10.000.000 đồng do bà Lê Thị Phượng L là người cho vay. Để đảm bảo cho giao dịch trên, vợ chồng người vay là ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y đã giao bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P để bà Lê Thị Phượng L quản lý.

[5.1] Đối với giao dịch vay tiền trên, các bên không xác định thời hạn trả tiền. Xác định thời gian hợp lý trong việc báo cho nhau biết trước của hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi: Đối với hợp đồng vay tài sản trên, số tiền các bên đã giao nhận cho nhau xong, không phát sinh tranh chấp về số lượng. Thời hạn thông báo để bị đơn trả tiền theo nguyên đơn xác định vào cuối tháng 8 năm 2025. Nội dung này cũng phù hợp với đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2025 và bị đơn ông Nguyễn Văn P cũng thừa nhận đồng ý trả tiền nhưng không có khả năng trả một lần đủ số tiền trên cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử xác định có đủ căn cứ để xác định thời hạn thông báo trước khi yêu cầu trả tiền là cuối tháng 8 năm 2025.

[5.2] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Lê Thị Phượng L với ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y xác lập giao dịch vay tài sản số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay không lãi và không kỳ hạn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015. Tại khoản 1 Điều 469 quy định *"...1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*. Theo đó thời hạn báo cho nhau biết trước được các bên xác định là cuối tháng 8 năm 2025. Do đó nghĩa vụ của bên vay là ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y phải thực hiện trả tiền theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định.

"...

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

...

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."

[5.3] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y liên đới trả số nợ trên cho nguyên đơn. Nhưng ông Nguyễn Văn P xác định đây là nợ riêng, vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa ông Nguyễn Văn P xác định giữa ông với bà Lê Thị Y là vợ chồng. Xét về nội dung của hợp đồng của có bà Lê Thị Y ký xác nhận. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình cần buộc bà Lê Thị Y cùng liên đới với ông Nguyễn Văn P trả số tiền đã vay từ bà Lê Thị Phượng L là phù hợp. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P1 Linh kiện ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y yêu cầu trả số tiền vay 10.000.000 đồng.

[5.5] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn P yêu cầu nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P khi trả dứt nợ. Nội dung này người đại diện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tú T đã đồng ý tại phiên tòa nên được ghi nhận và buộc bà Lê Thị Phượng L phải có nghĩa vụ thực hiện khi bị đơn trả dứt số tiền.

[5.6] Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 10.000.000 đồng cho bà Lê Thị Phượng L theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 quy định và kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5.7] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn P buộc bà Lê Thị Phượng L có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn ông Nguyễn Văn P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P khi trả dứt nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng. Tuy nhiên do ông Nguyễn Văn P thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn yêu cầu được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm bằng 50% của số tiền 500.000 đồng. Buộc bà Lê Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 250.000 đồng.

[6.2] Đối với yêu phản tố được chấp nhận nên buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 250.000 đồng theo biên lai số 0010665 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Do đó bà Lê Thị Phượng L phải nộp thêm số tiền 50.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 2 và khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các điều 280, 357, 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 24, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phượng L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y trả số tiền vay còn nợ là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn P buộc bà Lê Thị Phượng L trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P.

- Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Phượng L số tiền vay còn nợ là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Buộc bà Lê Thị Phượng L có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 495216, số vào sổ cấp CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/11/2015 mang tên Nguyễn Văn P sau khi vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền nợ 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị Phượng L đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Phượng L không phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện. Nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn

buộc bà Lê Thị P1 có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Lê Thị Phượng L đã nộp là 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010665, ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy bà Lê Thị Phượng L phải nộp bổ sung là 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng.

- Ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Y phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 500.000 đồng. Nhưng ông Nguyễn Văn P thuộc trường hợp miễn án phí nên được miễn nộp là 50% với số tiền là 250.000 đồng. Buộc bà Lê Thị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Phượng L ông Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án và bà Lê Thị Y được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS TPCT(01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc